TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 4 - THANH HÓA**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 18/2026/QĐST-HNGĐ	*Thanh Hóa, ngày 22 tháng 01 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 281/2025/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 12 năm 2025 về việc: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn, công nợ" giữa:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị B, sinh năm 1992

Địa chỉ: thôn Nam Đ, xã Hoằng L, tỉnh Thanh Hóa.

Bị đơn: Anh Lê Văn T, sinh năm 1984

Địa chỉ: thôn Nam Đ, xã Hoằng L, tỉnh Thanh Hóa.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Bà Lê Thị Q, sinh năm 1966

Địa chỉ: thôn Đ, xã Hoằng L, tỉnh Thanh Hóa.

Căn cứ vào Điều 212, 213, 144 và khoản 3,4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55, 58, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Căn cứ vào Điều 6; khoản 7 Điều 26; điểm a, đ khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 14 tháng 01 năm 2026.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 14 tháng 01 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị B và anh Lê Văn T.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về con chung: Công nhận cháu Lê Quỳnh Anh, sinh ngày 09/11/2012; cháu Lê Quỳnh Chi, sinh ngày 11/11/2014; cháu Lê Quỳnh Trang, sinh ngày 22/03/2019 là con chung của anh Lê Văn T và chị Nguyễn Thị B.

Chị B và anh T thống nhất thỏa thuận như sau: Giao cháu Lê Quỳnh Anh; Lê Quỳnh Chi; Lê Quỳnh Trang cho anh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác về pháp luật. Chị B có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh T cho mỗi cháu 1.000.000 đồng/ tháng, 3 cháu là 3 triệu đồng thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 1/2026.

Chị B có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung. Anh T và các thành viên trong gia đình không ai được cản trở. Nếu chị B lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì anh T có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của chị B.

Về công nợ: Chị B, anh T thống nhất trong thời kỳ hôn nhân anh chị có vay của bà Lê Thị Q theo giấy vay ngày 17/02/2024 tổng cộng là 60.000.000(*sáu mươi triệu đồng*), chị B đã trả cho bà Q được 5.000.000(*năm triệu đồng*).

Nay chị B, anh T, bà Q thống nhất thỏa thuận như sau: Số tiền tính đến ngày 14/01/2026 chị B, anh T còn nợ của bà Q số tiền là 55.000.000(*năm mươi lăm triệu đồng*).

Phương thức trả: Chị B, anh T, bà Q thống nhất. Chị B tự nguyện đứng ra trả số tiền nợ trên cho bà Q mỗi tháng 5.000.000(*năm triệu đồng*) thời gian trả kể từ tháng 20/02/2026 cho đến khi trả hết số tiền nợ trên cho bà Q.

Về lãi xuất: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi quyết định có hiệu lực pháp luật, nếu chị Nguyễn Thị B không tự nguyện thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận cho bà Q, thì bà Q có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hóa buộc chị B phải trả khoản nợ trên theo quy định của pháp luật.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị B tự nguyện chịu 150.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và phải chịu 150.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con theo định kỳ; Chị B tự nguyện chịu án phí dân sự sơ thẩm về công nợ là 1.375.000đồng nhưng chị được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003716, ngày 03/12/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hóa. Chị B còn phải nộp số tiền 1.375.000đồng.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án

theo quy định tại điều 6, 7 , 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Thanh Hóa;*
- *VKSND Khu vực 4 - thanh Hóa;*
- *Chi cục THADS tỉnh Thanh Hóa;*
- *Các đương sự;*
- *UBND xã Hoằng L.*
- *Lưu: Hồ sơ.*

THẨM PHÁN

Lê Thị Phương